

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/HS-PT
Ngày: 04/5/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Hồng Sơn

Ông Vũ Văn Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Trần Thanh Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 102/2018/HSPT ngày 26/02/2018 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T. Do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu T; giới tính: Nam; sinh năm: 1982 tại Quảng Nam; hộ khẩu thường trú: Tổ A, thôn Thu B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Tây Ninh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tài xế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu A và bà Phan Thị K; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2017, đến ngày 01/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Đỗ Đình N** – Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên DN, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn D** – Luật sư của Công ty TNHH Một thành viên DN, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do làm ăn thua lỗ nên Nguyễn Hữu T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức thuê xe ô tô của những chủ xe đăng tin trên báo rồi bán lại cho người khác. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Năm 2009, T thuê xe ô tô hiệu Gentra Daewoo, biển số 56N-7431 của ông Nguyễn Anh Q. Khi thuê, T giới thiệu là giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng và vận tải TT, địa chỉ: Đường L, phường M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông Q trực tiếp đến trụ sở Công ty của T để tìm hiểu, thấy T là giám đốc và công ty có trụ sở rõ ràng nên ông Q đồng ý cho thuê xe. Ngày 28/5/2010, ông Q mang xe đến trụ sở Công ty T để giao xe và giấy đăng ký xe ô tô trên (bản photo có công chứng) và ký hợp đồng thuê xe trong thời hạn 01 năm với giá thuê là 8.000.000 đồng/tháng. T đã đặt cọc cho ông Q số tiền là 20.000.000 đồng. Sau đó, T lên mạng làm giả một giấy đăng ký xe ô tô số 001066, tên chủ xe: CTY TNHH 1 TV XD&VT TT, địa chỉ: Đường L, phường M, huyện N với giá là 3.000.000 đồng. Đến ngày 31/5/2010 thông qua Dương Kim Y, T bán xe ô tô trên cho anh Nguyễn Tuấn D và giao cho anh D chiếc xe ô tô trên cùng giấy đăng ký xe giả, khi bán có làm hợp đồng mua bán với giá 250.000.000 đồng. Ngày 22/9/2010, anh D tìm hiểu biết T không phải là chủ xe ô tô nên đã giao nộp xe cho Cơ quan Công an để xử lý trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

Vụ 2: Ngày 15/6/2010, T tiếp tục dùng thủ đoạn tương tự để thuê 01 xe ô tô Hyundai Get biển số: 56N-6870 của anh Nguyễn Văn Đ. Đến ngày 04/7/2010, T mang xe ô tô trên đi cầm cho anh Trần Hữu Đ với giá 100.000.000 đồng rồi lấy tiền trả nợ và bỏ trốn. Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận do xe ô tô trên không có giấy tờ nên T không bán được mà chỉ cầm lấy tiền và không có khả năng chuộc lại xe này.

Theo Bản kết luận giám định số 708/KLGD-TT ngày 12/10/2010 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì Giấy đăng ký xe ô tô số 001066 tên chủ xe: CTY TNHH 1 TV XD&VT TT, địa chỉ: Đường L, phường M, huyện N, số khung: RLLSFYD9H013498, số máy: F15S3-3275521, cấp ngày 12/02/2010 có hình dấu tròn có nội dung “C.H.X.H.C.N VIỆT NAM –

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”; chữ ký đứng tên “Thượng tá: V”; bản in Giấy “Đăng ký xe ô tô” được làm giả bằng phương pháp in phun màu (bút lục 69).

Ngày 05/10/2017, T bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo lệnh truy nã.

Tại Bản cáo trạng số 189/KSĐT ngày 09/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 139 và khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định bị cáo T đã thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức nhằm chiếm đoạt số tiền 350.000.000 đồng của anh Nguyễn Tuấn D và anh Trần Hữu Đ. Từ đó, quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; khoản 1 Điều 267; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt Nguyễn Hữu T 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 03 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/01/2018, bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã tuyên, đồng thời giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha mẹ bị cáo đã già yếu, cần người chăm sóc.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Đỗ Đình N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm tuy có áp dụng Điều 47 Bộ luật

Hình sự để xét xử bị cáo về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” dưới khung hình phạt nhưng vẫn chưa đảm bảo tinh thần nhân đạo đối với người có nhân thân tốt, cần cho bị cáo hưởng mức án đầu khung của khung hình phạt thấp hơn liền kề. Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, án sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được áp dụng hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ. Ngoài ra, hiện bị cáo có nghề nghiệp ổn định nên cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện trở thành người có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc thỏa đáng mức hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã tuyên, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của phía bị hại cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, từ đó xác định được: Ngày 28/5/2010, Nguyễn Hữu T đã thuê xe ô tô hiệu Gentra Daewoo biển số 56N-7431 của anh Nguyễn Anh Q và được anh Q giao chiếc xe ô tô trên cùng bản sao y giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Sau đó, T dùng thủ đoạn gian dối nhờ người làm giả giấy đăng ký xe ô tô này với tên chủ xe là: CTY TNHH 1 TV XD&VT TT rồi bán xe này cho anh Nguyễn Tuấn D chiếm đoạt của anh D 250.000.000 đồng. Đến ngày 15/6/2010, T tiếp tục thuê 01 xe ô tô hiệu Hyundai Get biển số 56N-6870 của anh Nguyễn Văn Đ và đem xe đi cầm cố chỗ anh Trần Hữu Đ để lấy số tiền 100.000.000 đồng. Theo Bản kết luận giám định số 708/KLGD-TT ngày 12/10/2010 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì Giấy đăng ký xe ô tô số 001066 tên chủ xe: CTY TNHH 1 TV XD&VT TT được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Như vậy, bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối, làm giả giấy tờ để chiếm đoạt tài sản của 02 người bị hại là anh Nguyễn Tuấn D và anh Trần Hữu Đ với tổng số tiền là 350.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét thời điểm phạm tội của bị cáo là trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018, luật áp dụng để xét xử bị cáo là Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. So chiếu với Điều luật về tội phạm tương ứng (Điều 341) của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức có khung hình phạt nhẹ hơn. Do vậy, để có lợi cho bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo là chính xác. (Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015). Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu T về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc trường hợp được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình và gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên và áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo để tuyên phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất và trong khung hình phạt liền kề nhưng vẫn còn khá nghiêm khắc đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định giảm nhẹ thêm một phần hình phạt đối với tội danh trên cho bị cáo Nguyễn Hữu T nhưng vẫn đảm bảo trong khung hình phạt thấp hơn liền kề

Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù là thỏa đáng, phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; sửa Bản án sơ thẩm số 10/2018/HSST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T.

Phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chấp hành là 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2017 đến ngày 01/11/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (4)
- Chi cục THA huyện Hóc Môn; (1)
- TAND huyện Hóc Môn; (1)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (6)

Nguyễn Thị Hà